

Số: /2026/QĐ-CTUBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quản lý, xử lý và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quản lý, xử lý và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, xử lý và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đồng Nai theo quy định tại Nghị định số 178/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý, cụ thể như sau:

a) Giao tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

b) Phê duyệt giá cung cấp dịch vụ thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 12 Điều 17, khoản 1 Điều 43 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

c) Phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 18, khoản 2 Điều 43 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

d) Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 19, khoản 3 Điều 43 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

đ) Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 20, khoản 4 Điều 43 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

e) Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 44 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

g) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 25, khoản 3 Điều 44 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

h) Bán tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 27, khoản 5 Điều 44 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

k) Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28, khoản 6 Điều 44 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

i) Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 7 Điều 28, khoản 6 Điều 44 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

l) Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29, khoản 6 Điều 44 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý quy định tại Quyết định này bao gồm: Tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hạ tầng thương mại, hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng công nghiệp công nghệ số (bao gồm cả khu công nghệ số tập trung); tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa, hạ tầng thể thao, hạ tầng du lịch; tài sản kết cấu hạ tầng đô thị; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; tài sản kết cấu hạ tầng đô điều; tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá, khu neo đậu, khu tránh trú bão và tài sản kết cấu hạ tầng khác theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này không điều chỉnh đối với tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP; tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP đang được giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng theo chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, trừ trường hợp được điều chỉnh sang chế độ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

4. Đối với các nội dung không được quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 178/2026/NĐ-CP và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung; các quy định pháp luật có liên quan khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.
3. Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp khác có vốn nhà nước được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Phân công trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về hạ tầng tại địa phương

1. Sở Công Thương đối với tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, hạ tầng thương mại thuộc phạm vi quản lý của thành phố.
2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế đối với tài sản hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất thuộc phạm vi quản lý của thành phố.
3. Sở Khoa học và Công nghệ đối với tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng công nghiệp công nghệ số (bao gồm cả khu công nghệ số tập trung) thuộc phạm vi quản lý của thành phố.
4. Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với tài sản kết cấu hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; tài sản kết cấu hạ tầng đê điều; tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá, khu neo đậu, khu tránh trú bão thuộc phạm vi quản lý của thành phố.
5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa, hạ tầng thể thao, hạ tầng du lịch thuộc phạm vi quản lý của thành phố.
6. Sở Xây dựng đối với tài sản kết cấu hạ tầng đô thị thuộc phạm vi quản lý của thành phố.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp thành phố.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã (bao gồm việc giao tài sản kết cấu hạ tầng do Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện bàn giao quyền quản lý, sử dụng trước khi tổ chức lại chính quyền địa phương 02 cấp).

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt giá cung cấp dịch vụ thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 12 Điều 17, khoản 1 Điều 43 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng được phân công nhiệm vụ tại Điều 3 Quyết định này phê duyệt giá cung cấp dịch vụ quy định tại điểm c khoản

12 Điều 17 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp thành phố quản lý; tài sản kết cấu hạ tầng giao cho doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp khác có vốn nhà nước theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt giá cung cấp dịch vụ quy định tại điểm c khoản 12 Điều 17 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý.

Điều 6. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 18, khoản 2 Điều 43 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng được phân công nhiệm vụ tại Điều 3 Quyết định này phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp thành phố quản lý; tài sản kết cấu hạ tầng giao cho doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp khác có vốn nhà nước theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 19, khoản 3 Điều 43 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng được phân công nhiệm vụ tại Điều 3 Quyết định này phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp thành phố quản lý; tài sản kết cấu hạ tầng giao cho doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp khác có vốn nhà nước theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 20, khoản 4 Điều 43 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng được phân công nhiệm vụ tại Điều 3 Quyết định này phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp thành phố quản lý; tài sản kết cấu hạ tầng giao cho doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp khác có vốn nhà nước theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 44 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp thành phố quản lý; tài sản kết cấu hạ tầng do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp khác có vốn nhà nước theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 25, khoản 3 Điều 44 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp thành phố quản lý; tài sản kết cấu hạ tầng do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp khác có vốn nhà nước theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 27, khoản 5 Điều 44 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp thành phố quản lý; tài sản kết cấu hạ tầng do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp khác có vốn nhà nước theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28, khoản 6 Điều 44 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp thành phố quản lý; tài sản kết cấu hạ tầng do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp khác có vốn nhà nước theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 7 Điều 28, khoản 6 Điều 44 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng được phân công nhiệm vụ tại Điều 3 Quyết định này quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp khác để quản lý, sử dụng đối với trường hợp cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp thành phố; doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp khác có vốn nhà nước được giao tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp khác đối với trường hợp cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29, khoản 6 Điều 44 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp thành phố quản lý; tài sản kết cấu hạ tầng do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp khác có vốn nhà nước theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày.....tháng.....năm 2026.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan khác (nếu có) kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Tài chính) để chỉ đạo xử lý.

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các trường hợp đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định đã được ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực

hiện các trình tự, thủ tục quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định pháp luật.

2. Đối với các trường hợp đang trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định đã được ban hành nhưng chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt thì phải thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 16;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Quản lý công sản - Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Thường trực UBNDTTQVN thành phố;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND thành phố;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Sở Tư pháp;
- Công báo thành phố Đồng Nai;
- Lưu: VT, KTNS (.....b).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Út